

Số: 21/2024/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 12 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 12 tháng 9 năm 2024 và thay thế Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban

nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- TT TU; TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh, các Đoàn thể;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- LĐVP; các đơn vị trực thuộc VP;
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



(Handwritten signature in blue ink)

Nguyễn Quỳnh Thiện

QUY ĐỊNH

Về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước
thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh
(Kèm theo Quyết định số: 21/2024/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định này Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.
- Những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chưa được quy định cụ thể tại Quy định này hoặc phải bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khác với Quy định này, giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.
- Các nội dung không được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai; tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.
- Người có đất thu hồi và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thu hồi.
- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Chương II QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Điều 3. Bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 98, khoản 1 Điều 99 của Luật Đất đai số 31/2024/QH15

- Việc bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho người có đất thu hồi quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất được thực hiện khi có đủ các điều kiện như sau:

a) Địa phương nơi có đất thu hồi (cấp huyện) có quỹ đất hoặc quỹ nhà ở đủ để thực hiện bồi thường cho người có đất thu hồi.

b) Người có đất thu hồi có nhu cầu được bồi thường bằng đất khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở.

2. Căn cứ quỹ đất, quỹ nhà ở và tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) xác định tỷ lệ quy đổi cho phù hợp, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phù hợp theo quy định.

Điều 4. Bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn khi xây dựng công trình, khu vực có hành lang bảo vệ an toàn

Trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất quy định tại điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì bồi thường như sau:

1. Đối với các công trình điện

a) Đất ở, các loại đất khác trong cùng thửa với đất ở của một chủ sử dụng trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không bị ảnh hưởng thuộc diện Nhà nước không thu hồi đất thì chủ sử dụng đất được bồi thường do hạn chế khả năng sử dụng đất; việc bồi thường được thực hiện một lần như sau:

- Đất ở được bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng là loại đất ở được quy định tại các văn bản pháp luật về đất đai.

- Diện tích đất ở được bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng là diện tích đất ở thực tế trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không. Mức bồi thường bằng 80% mức bồi thường thu hồi đất ở, tính trên diện tích đất nằm trong hành lang.

- Trên cùng một thửa đất, bao gồm đất ở và các loại đất khác của một chủ sử dụng đất, khi bị hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không chiếm dụng khoảng không lớn hơn hạn mức đất ở thì phần diện tích các loại đất khác trên cùng thửa đất trong hành lang cũng được bồi thường. Mức bồi thường bằng 80% mức bồi thường thu hồi các loại đất khác đó tính trên diện tích các loại đất khác nằm trong hành lang.

b) Các loại đất khác không phải là đất ở thuộc hành lang an toàn lưới điện không thuộc trường hợp thu hồi đất, không làm thay đổi mục đích sử dụng đất, nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất mức bồi thường bằng 60% mức bồi thường thu hồi đất tính trên diện tích đất nằm trong hành lang.

2. Đối với các công trình khác: Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ có quy định riêng sau khi có ý kiến hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương có liên quan.

Điều 5. Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất

Khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

bằng 30% giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng, nhưng mức bồi thường không quá 100% giá trị xây dựng mới của nhà, công trình xây dựng có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại.

Điều 6. Bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất

Mức bồi thường, hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP được thực hiện như sau:

1. Bồi thường chi phí đào, bốc, di dời, xây dựng mới và các chi phí hợp lý khác có liên quan trực tiếp, như sau:

a) Chi phí đào, bốc, di dời và các chi phí hợp lý khác

- Đối với mộ xây gạch, trát vữa, quét vôi

+ Trong địa bàn đơn vị hành chính cấp huyện: 14.000.000 đồng/mộ.

+ Ngoài địa bàn đơn vị hành chính cấp huyện: 16.000.000 đồng/mộ.

- Đối với mộ đất

+ Trong địa bàn đơn vị hành chính cấp huyện: 10.000.000 đồng/mộ.

+ Ngoài địa bàn đơn vị hành chính cấp huyện: 12.000.000 đồng/mộ.

b) Chi phí xây dựng mới áp dụng Đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Đối với mộ xây dựng cầu kỳ, có tính kỹ thuật, mỹ thuật cao thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xác định dự toán theo đơn giá xây dựng (hoặc thuê đơn vị tư vấn có chức năng thực hiện) gửi Phòng Quản lý đô thị hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất thu hồi quyết định phê duyệt dự toán.

c) Trường hợp người thân tự thu xếp việc di chuyển mồ mả ngoài khu vực được bố trí thì được hỗ trợ bằng tiền như sau:

- Địa bàn xã: 10.000.000 đồng/mộ.

- Địa bàn thị trấn: 12.000.000 đồng/mộ.

- Địa bàn phường: 14.000.000 đồng/mộ.

2. Trường hợp người thân có nhu cầu sử dụng hình thức hỏa táng, lưu giữ tro cốt tại các cơ sở lưu giữ tro cốt nhằm thực hiện nếp sống văn minh, đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, bền vững, góp phần bảo vệ môi trường được hỗ trợ chi phí hỏa táng, lưu giữ tro cốt, chi phí đào, bốc, di dời và các chi phí khác. Mức hỗ trợ là 40.000.000 đồng/trường hợp.

Điều 7. Bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa nhà ở cho người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ

Bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa nhà ở cho người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) được cơ quan

Nhà nước có thẩm quyền cho phép cải tạo, sửa chữa nhà ở theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP được bồi thường như sau:

1. Trường hợp có hồ sơ, chứng từ chứng minh chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà ở thì được bồi thường toàn bộ chi phí theo hồ sơ, chứng từ.

2. Trường hợp không có hồ sơ, chứng từ chứng minh thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp với cơ quan quản lý nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi có đất thu hồi và các đơn vị có liên quan kiểm tra, xác định khối lượng những hạng mục cải tạo, sửa chữa, nâng cấp thực tế theo hiện trạng. Mức bồi thường bằng 100% đơn giá xây dựng mới theo Đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Điều 8. Bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất

Khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản thì được Nhà nước bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt; trường hợp phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất còn được bồi thường đối với thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt theo quy định tại Điều 104 Luật Đất đai được thực hiện như sau:

1. Khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản thì được bồi thường chi phí để di chuyển như sau:

a) Di chuyển tài sản (trừ cây kiểng trồng dưới đất)

- Di chuyển trong địa giới hành chính cấp huyện: 8.000.000 đồng/hộ.
- Di chuyển ra ngoài địa giới hành chính cấp huyện: 12.000.000 đồng/hộ.
- Di chuyển ra ngoài địa giới hành chính của tỉnh: 16.000.000 đồng/hộ.

b) Di chuyển đối với cây kiểng trồng dưới đất, như sau:

- Đường kính gốc dưới 5cm: 04 cây/01 ngày công lao động.
- Đường kính gốc từ 5cm - 10cm: 02 cây/01 ngày công lao động.
- Đường kính gốc từ trên 10cm - 15cm: 01 cây/01 ngày công lao động.
- Đường kính gốc từ trên 15cm - 30cm: 01 cây/05 ngày công lao động.
- Đường kính gốc trên 30cm: 01 cây/10 ngày công lao động.

* Đơn giá ngày công lao động là 250.000 đồng/người/ngày.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc đang sử dụng đất hợp pháp, khi Nhà nước thu hồi mà phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất thì được bồi thường kinh phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt và được bồi thường đối với thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt (nếu có). Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập dự toán hoặc thuê đơn vị tư vấn có đủ năng lực theo quy định để dự toán và gửi cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành (cơ quan cùng cấp phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) thẩm định hồ sơ dự toán trước khi trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt để làm căn cứ bồi thường.

Điều 9. Hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp nếu đủ điều kiện được bồi thường về đất thì được hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP.

Giá gạo tính hỗ trợ theo giá gạo bình quân do Phòng Tài chính - Kế hoạch địa phương theo dõi, báo cáo theo quy định tại thời điểm hỗ trợ; chi trả 01 (một) lần khi thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ.

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 03 tháng.

Mức hỗ trợ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP; giá gạo tính hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất

1. Đối tượng, điều kiện để được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP.

2. Việc hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thực hiện như sau:

a) Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh bao gồm: hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ đối với sản xuất, kinh doanh dịch vụ công thương nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 4.000.000 đồng/1000m²; chi trả 01 (một) lần khi thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

b) Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh một lần bằng tiền bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liên kề trước đó.

Thu nhập sau thuế được xác định là thu nhập sau khi đã nộp thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân và pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động. Thời gian trợ cấp là 06 tháng.

Điều 11. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất

Mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP bằng 02 (hai) lần giá đất nông

nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương theo quy định tại Điều 176 của Luật Đất đai.

Điều 12. Hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

Hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài đủ điều kiện được hỗ trợ tái định cư theo quy định tại khoản 8 Điều 111 của Luật Đất đai mà có nhu cầu tự lo chỗ ở theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thì ngoài việc được bồi thường về đất bằng tiền còn được nhận tiền hỗ trợ để tự lo chỗ ở như sau:

1. Đối với khu vực đô thị (*kể cả xã Long Đức, thành phố Trà Vinh*): 270.000.000 đồng/hộ (*Hai trăm bảy mươi triệu đồng*).

2. Đối với khu vực nông thôn: 215.000.000 đồng/hộ (*Hai trăm mười lăm triệu đồng*).

Điều 13. Bố trí tái định cư

1. Suất tái định cư tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP được thực hiện như sau:

a) Suất tái định cư tối thiểu được quy định bằng đất ở, nhà ở

- Suất tái định cư tối thiểu bằng đất ở:

+ Khu vực đô thị là 100m².

+ Khu vực nông thôn là 150m².

- Suất tái định cư tối thiểu bằng nhà ở là 50m² (nhà ở tái định cư hoặc căn hộ chung cư).

b) Suất tái định cư tối thiểu được tính bằng tiền

Giá trị suất tái định cư tối thiểu bằng tiền được xác định theo diện tích suất tái định cư tối thiểu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này nhân (x) với giá đất ở hoặc giá nhà ở theo quy định của diện tích mà hộ gia đình, cá nhân được bố trí tại nơi tái định cư.

2. Người có đất ở bị thu hồi trong thời gian chờ bố trí tái định cư được bố trí vào nhà ở tạm hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở theo quy định tại khoản 7 Điều 111 Luật Đất đai được thực hiện như sau:

a) Mức hỗ trợ tiền thuê nhà (*kể cả trường hợp hộ tự lo chỗ ở*)

- Hộ có từ 01 đến 04 nhân khẩu:

+ Khu vực đô thị: 2.000.000 đồng/tháng/hộ.

+ Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng/tháng/hộ.

- Hộ có từ 05 nhân khẩu trở lên:

+ Khu vực đô thị: Nhân khẩu từ thứ 05 trở đi cộng thêm 400.000 đồng/tháng/người.

+ Khu vực nông thôn: Nhân khẩu từ thứ 05 trở đi cộng thêm 300.000 đồng/tháng/người.

b) Thời gian hỗ trợ là 06 tháng.

c) Nhân khẩu để tính hỗ trợ theo số nhân khẩu có mặt trong hộ khẩu thường trú hoặc hộ khẩu tạm trú tại thời điểm thông báo thu hồi đất; Mức hỗ trợ tiền thuê nhà tối đa không vượt quá 5.000.000 đồng/tháng/hộ.

3. Hỗ trợ tiền thuê nhà ở cho người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn (*hai mươi ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất*) theo quy định tại khoản 7 Điều 111 Luật Đất đai thì được khen thưởng bằng tiền bằng 15.000.000 đồng (thưởng một lần). Kinh phí khen thưởng được tính vào nguồn kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án đầu tư.

Điều 14. Mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quy định tại khoản 8 Điều 27 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP được thực hiện như sau

1. Mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được trích 2% trên tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án.

2. Trường hợp mức trích 2% không đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư căn cứ vào khối lượng công việc thực tế của dự án, lập dự toán, thanh quyết toán chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho từng dự án theo định mức, tiêu chuẩn, đơn giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quyết định.

Điều 15. Hỗ trợ khác

Ngoài việc hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 108 Luật Đất đai năm 2024; các Điều 9, 10, 11, 12, 13 Quy định này để đảm bảo có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất đối với người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản. Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định biện pháp, mức hỗ trợ khác cho từng dự án cụ thể theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Luật Đất đai năm 2024.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Đối với các công trình, dự án đã có quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã được phê duyệt, không áp dụng hoặc điều chỉnh theo Quy định này.

2. Đối với các công trình, dự án chưa phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mà cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã công bố giá, chính sách bồi thường, hỗ trợ trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Quy định này.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, phát sinh, các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các chủ đầu tư kịp thời phản ánh, đề xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.